Quản Lý Kho

- Đặc tả:

Quản lý thêm, xóa, sửa(CURD)

+ Object(Sản phẩm-đối tượng)

* Id
* DisplayName(Tên hiển thị)
* IdUnit(Id đơn vị tính)
* IdSuplier(Id nhà cung cấp)
* QRCode
* BarCode

+ Unit(đơn vị tính)

* Id
* DisplayName

+ Suplier(Nhà cung cấp)

* Id
* DisplayName(Tên hiển thị)
* Address
* Phone
* Email
* ContractDate(Ngày hợp đồng)
* MoreInfo(Thông tin thêm)

+ Customer(Khách hàng)

* Id
* DisplayName
* Address
* Phone
* Email
* ContractDate(Ngày hợp đồng)
* MoreInfo(Thông tin thêm)

+ Input(Phiếu nhập)

* Id
* InputDate

+ InputInfo(Thông tin phiếu nhập)

* Id
* IdInput(Id phiếu nhập)
* IdObject(Id sản phẩm)
* Count(Số lượng nhập vào)
* InputPrice(Giá nhập vào)
* OutputPrice(Giá bán ra)
* Status(Trạng thái sản phẩm)

+ Output(Phiếu xuất)

* Id
* OutputDate

+ OutputInfo(Thông tin phiếu xuất)

* Id
* IdOutput
* IdObject(Id sản phẩm)
* IdInputInfo(Id thông tin phiếu nhập)
* IdCustomer(Id khách hàng)
* Count
* Status(Trạng thái sản phẩm)

+ Account

* Id
* UserName
* DisplayName
* Password
* Role(Quyền)

+ AccountRole

* Id
* UserName

+ Report view update every time table changed

- Database:

+ Export to .sql file: Right click Database -> Tasks -> Generate Scripts -> Introduction(Next) -> Choose Objects(Next) -> Set Scripting Options [Advanced -> Types of data to script -> Schema and data -> OK -> Save as script file -> Next] -> Summary(Next) -> Save Scripts(Finish)

Create database QuanLyKho

go

use QuanLyKho

go

create table Unit

(

Id int identity(1,1) primary key,

DisplayName nvarchar(max)

)

go

create table Suplier

(

Id int identity(1,1) primary key,

DisplayName nvarchar(max),

Address nvarchar(max),

Phone nvarchar(15),

Email nvarchar(200),

ContractDate DateTime,

MoreInfo nvarchar(max)

)

go

create table Customer

(

Id int identity(1,1) primary key,

DisplayName nvarchar(max),

Address nvarchar(max),

Phone nvarchar(15),

Email nvarchar(200),

ContractDate DateTime,

MoreInfo nvarchar(max)

)

go

create table Product

(

Id nvarchar(128) primary key,

DisplayName nvarchar(max),

IdUnit int not null,

IdSuplier int not null,

QRCode nvarchar(max),

BarCode nvarchar(max)

foreign key(IdUnit) references Unit(Id),

foreign key(IdSuplier) references Suplier(Id)

)

go

create table AccountRole

(

Id int identity(1,1) primary key,

DisplayName nvarchar(max)

)

go

insert into AccountRole(DisplayName) values(N'Admin')

go

insert into AccountRole(DisplayName) values(N'Nhân viên')

go

create table Account

(

Id int identity(1,1) primary key,

DisplayName nvarchar(max),

UserName nvarchar(100),

Password nvarchar(max),

IdRole int not null

foreign key (IdRole) references AccountRole(Id)

)

go

insert into Account(DisplayName,UserName,Password,IdRole) values(N'Công nè',N'admin',N'db69fc039dcbd2962cb4d28f5891aae1',1)

go

insert into Account(DisplayName,UserName,Password,IdRole) values(N'Công nè',N'staff',N'978aae9bb6bee8fb75de3e4830a1be46',2)

go

create table Input

(

Id nvarchar(128) primary key,

InputDate DateTime

)

go

create table InputInfo

(

Id nvarchar(128) primary key,

IdInput nvarchar(128) not null,

IdProduct nvarchar(128) not null,

Count int,

InputPrice float default 0,

OutputPrice float default 0,

Status nvarchar(max)

foreign key (IdInput) references Input(Id),

foreign key (IdProduct) references Product(Id)

)

go

create table Out\_put

(

Id nvarchar(128) primary key,

OutputDate DateTime

)

go

create table OutputInfo

(

Id nvarchar(128) primary key,

IdOutput nvarchar(128) not null,

IdProduct nvarchar(128) not null,

IdInputInfo nvarchar(128) not null,

IdCustomer int not null,

Count int,

Status nvarchar(max)

foreign key (IdOutput) references Out\_put(Id),

foreign key (IdProduct) references Product(Id),

foreign key (IdInputInfo) references InputInfo(Id),

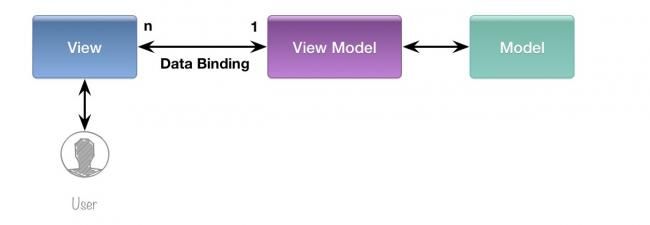
foreign key (IdCustomer) references Customer(Id)

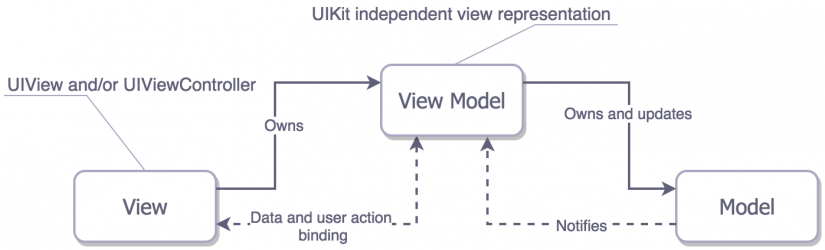
)

go

- Sử dụng package MaterialDesignThemes: <http://materialdesigninxaml.net/home>

Mô hình MVVM





Implement

Login screen:  
- Sử dụng InotifyPropertyChanged để binding data

- Tạo class MainViewModel để làm DataContext cho View

- Tạo Resource để dùng chung để dễ tái sử dụng

- Set class MainViewModel làm ViewModel trên file .xaml

- Add resouce vào App.xaml để sử dụng

- Set DataContext View bằng Key ViewModel tạo phía trên để binding theo mỗi View

Control bar:

- Tạo User Control

- Import vào screen (vd: xmlns:uc="clr-namespace:QL\_Kho.UserControlApp")

- Gán thẻ để sử dụng (vd: <uc:ControlBarUC></uc:ControlBarUC>)

- Lấy parent window để close screen

- Xử lý binding bằng Command

- Xử lý event, sử dụng package Interactivity <https://www.howkteam.vn/course/interaction-wpf/interaction-wpf-2578>

- Import xmlns:i="http://schemas.microsoft.com/expression/2010/interactivity" để sử dụng

- Màn hình chính:

- Mode binding:

giữa Data <=> Source (SelectedItem="{Binding SelectedItem, Mode=xxxxx}")

+ Default: Tương tự như OneWay.

+ OneTime: Cập nhật 1 lần duy nhất.

+ OneWay: Chỉ cập nhật từ Source sang Data.

+ OneWayToSource: Chỉ cập nhật từ Data sang Source.

+ TwoWay: Data cập nhật thì Source sẽ tự động cập nhật và ngược lại.